TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 164/2025/HNGĐ-ST. Ngày: 31- 12 - 2025. V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Hiệp.

Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Hoàng Bửu – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 396/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lý S, sinh ngày 10/10/1994 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã L, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Bà Kim Thị Vành T, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm B, phường V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 10 năm 2025, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn ông Lý S trình bày: Ông Lý S và bà Kim Thị Vành T1 kết hôn nhân năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố Cần Thơ và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 79/2018 ngày 16/4/2018. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2020 thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong lối sống, hôn nhân không hạnh phúc. Từ năm 2020, ông S và bà T1 không còn sống chung đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên ông Lý S yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Kim Thị Vành T1.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống ông Lý S và bà Kim Thị V Thươl có 01 người con chung là Lý Thị Mỹ H, sinh ngày 22/9/2018, con chung hiện nay đang sống với bà Kim Thị Vành T1. Ông S đồng ý giao con chung cho bà T1 nuôi dưỡng đến đủ tuổi trưởng thành. Ông S đồng ý cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Kim Thị Vành T1: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bà Kim Thị Vành T1 theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà T1 không liên lạc với Tòa án, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Toà án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Lý S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Kim Thị Vành T1 đã được tống đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng bà T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng nêu trên.

Về nội dung:

[2] Ông Lý S và bà Kim Thị Vành T1 kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố Cần Thơ và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 79/2018 ngày 16/4/2018. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Lý S và bà Kim Thị Vành T1 là hôn nhân hợp pháp. Khi thụ lý vụ án, Tòa án thông báo cho bà Kim Thị Vành T1 về việc thụ lý vụ án theo thông báo số 190/TB-TLVA ngày 03/11/2025, nhưng bà T1 vẫn không liên hệ đến tòa án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của ông S. Nay ông S giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà T1. Xét thấy, ông Lý S và bà Kim Thị Vành T1 xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung kể từ năm 2020 đến nay, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nếu tiếp tục kéo dài hôn nhân sẽ không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân giữa ông Lý S và bà Kim Thị Vành T1 không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lý S.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông Lý S và bà Kim Thị Vành T1 có 01 người con chung là Lý Thị Mỹ H, sinh ngày 22/9/2018, con chung hiện nay đang sống với bà Kim Thị Vành T1. Khi ly hôn, ông S đồng ý giao con chung cho bà T1 nuôi dưỡng đến đủ tuổi trưởng thành. Xét thấy, kể từ khi ông S và bà T1 không còn chung sống với nhau thì con chung vẫn do bà T1 trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng đến nay, để đảm bảo không làm thay đổi môi trường sống quen thuộc của cháu Lý Thị Mỹ H, Hội đồng xét xử thống nhất giao con chung cho bà Kim Thị Vành T1 được quyền nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Lý S được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lý S đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung Lý Thị Mỹ H, sinh ngày 22/9/2018, mức cấp dưỡng là 1.000.000đ/01 tháng. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm 31/12/2025 cho đến khi con chung Lý Thị Mỹ H đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Ông Lý S phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định tại điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí do ông S đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007579 ngày 27/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Như vậy, ông S còn phải nộp thêm 300.000 đồng, nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lý S được quyền ly hôn với bà Kim Thị Vành T1.

[2] Về con chung: Giao cho bà Kim Thị Vành T1 được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lý Thị Mỹ H, sinh ngày 22/9/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Lý S được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lý S đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 1.000.000đ/01 tháng. Buộc ông

Lý S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Lý Thị Mỹ H, sinh ngày 22/9/2018, mức cấp dưỡng là 1.000.000đ/01 tháng. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm 31/12/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Địa điểm giao nhận và thực hiện việc cấp dưỡng tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ.

[4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Ông Lý S phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí do ông S đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007579 ngày 27/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Như vậy, ông S còn phải nộp thêm 300.000 đồng, nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND. TP. Cần Thơ;*
- *VKSND KV8- Cần Thơ;*
- *UBND phường Vĩnh Phước;*
- *Phòng THA dân sự KV8- Cần Thơ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ái Mỹ